TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22/11/2023
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đắc Thắng

Ông Nguyễn Thành Luân

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Liễu Hạnh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà*:** Bà Hà Thúy Thảo- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2023/TLST-HNGĐ ngày 23/5/2023 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Duy P, sinh năm 1980 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: đường A, khu phố B, phường C, thị xã D, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Chị H Thi P1, sinh năm 1976 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Anh Quốc.

Người đại diện theo ủy quyền nhận thay văn bản tố tụng của chị H Thi P1 là ông Phạm Văn Q, sinh năm 1948;

Địa chỉ: ngõ N, đường M, phường L, thành phố K, tỉnh Thanh Hóa (Theo văn bản ủy quyền ngày 18/10/2023).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 12/5/2023, nguyên đơn anh Nguyễn Duy P trình bày:

Anh và chị H là vợ chồng hợp pháp, được Ủy ban nhân dân thị xã D, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 01/08/2017.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với nhau tại Việt Nam được một thời gian thì chị H trở về Anh Quốc, sau đó thỉnh thoảng chị H mới về Việt Nam thăm anh. Trong khoảng thời gian này anh và chị H ít liên lạc điện thoại với nhau, đến tháng 09 năm 2019 thì hai bên không còn liên lạc với nhau nữa, nguyên nhân là do không phù hợp tính tình, quan điểm sống, không có tình yêu nhưng cả hai đã vội vàng quyết định tiến đến hôn nhân khi chưa thật sự hiểu nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh xin được ly hôn với chị H

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Pham N, sinh ngày 01/02/2013 hiện đang sinh sống cùng chị H tại Anh Quốc. Anh đồng ý giao con chung cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bản tự khai ngày 21/3/2023, chị H Thi P1 trình bày:

Chị và anh Nguyễn Duy P là vợ chồng hợp pháp, được Ủy ban nhân dân thị xã D, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28, quyển số 1 ngày 01/08/2017.

Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống với nhau một thời gian ngắn ở Việt Nam. Sau đó chị về Anh Quốc và có quay lại Việt Nam thêm vài lần nữa. Từ cuối năm 2019 anh chị không gặp nhau và cũng không liên lạc với nhau. Nguyên nhân vì hoàn cảnh công việc, khoảng cách địa lí và tình cảm phai nhạt dần dẫn đến nảy sinh nhiều bất đồng trong cuộc sống.

Anh chị quyết định đồng thuận li hôn vì đã 03 năm vợ chồng không gặp nhau, không liên lạc, không còn tình cảm, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa.

Về con chung: Anh chị có một con gái chung tên Pham N, sinh ngày 01/02/2013, hiện đang sống cùng chị. Nguyện vọng của cháu Pham N là được ở với mẹ.

Về tài sản, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh P và chị H. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh P và

chị H về việc nuôi con chung, giao cháu Pham N, sinh ngày 01/02/2013 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; anh P không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H chưa có yêu cầu. Anh P được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Anh P và chị H trình bày không có, nên không đặt ra xem xét. Về án phí: Anh P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là tranh chấp "Xin ly hôn", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[3]. Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Duy P và chị H Thi P1 tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thị xã D, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 01/8/2017, nên quan hệ hôn nhân của anh P và chị H Thi P1 được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh P trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống chung với nhau tại Việt Nam được một thời gian thì chị H trở về Anh Quốc, thỉnh thoảng mới trở lại Việt Nam để thăm anh P. Trong khoảng thời gian này vợ chồng rất ít liên lạc điện thoại với nhau. Đến cuối năm 2019, anh chị không còn gặp nhau nữa và cũng không liên lạc điện thoại với nhau, tình cảm vợ chồng phai nhạt dần nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh P xin được ly hôn với chị H.

Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của anh P là có căn cứ, phù hợp pháp luật, bởi lẽ tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...."* nhưng anh P và chị H đã sống ly thân thời gian dài, anh chị đã không còn liên lạc, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Khi anh P xin ly

hôn thì chị H cũng đồng ý, cho thấy quan hệ vợ chồng của anh chị đã không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Duy P và chị H Thi P1.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Pham N, sinh ngày 01/02/2013. Hiện nay cháu Pham N đang sống cùng với chị H tại Anh Quốc. Anh P và chị H thống nhất giao cháu Pham N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại bản tự khai ngày 21/3/2023 thể hiện cháu Pham N có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Do đó cần giao cháu Pham N cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh P được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H chưa có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh P và chị H thống nhất trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Xét ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6]. Về án phí: Anh P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 37, điểm c Khoản 1 Điều 40, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Duy P.

Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Duy P và chị H Thi P1.

2. Về con chung: Giao cháu Pham N, sinh ngày 01/02/2013 cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H chưa có yêu cầu.

Anh P được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Duy P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008789 ngày 22/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Duy P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Đối với chị H Thi P1 thời hạn kháng cáo là 01 tháng tính từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ./.

***Nơi nhận*:**
- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- UBND TX D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Thu Thủy